ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 152 /TTr-UBND	*Bắc Kạn, ngày 20 tháng 11 năm 2020*

TỜ TRÌNH
Dự thảo Nghị quyết phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2021 nguồn vốn ngân sách địa phương

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn

Thực hiện Thông báo số 19/HĐND-VP ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc dự kiến thời gian, nội dung kỳ họp thường lệ cuối năm 2020 HĐND tỉnh khoá IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021, Ủy ban nhân dân tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2021 nguồn vốn ngân sách địa phương, với các nội dung như sau:

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ, SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Căn cứ pháp lý

- Luật đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật đầu tư công;

- Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

- Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2021;

- Công văn số 5006/BKHĐT-TH ngày 04 tháng 8 năm 2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2021;

- Công văn số 6842/BKHĐT-TH ngày 16 tháng 10 năm 2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về phân bổ kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2021.

2. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Điều 62 Luật Đầu tư công quy định: *"1. Trước ngày 05 tháng 12 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp cho ý kiến về các nội dung theo quy định tại Điều 49 của Luật này; riêng kế hoạch đầu tư công năm đầu tiên của giai đoạn sau, căn cứ*

vào dự toán chi ngân sách địa phương cho đầu tư phát triển, Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định".

Khoản 1 và khoản 2 Điều 63 Luật Đầu tư công quy định về trình, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư công hằng năm vốn ngân sách địa phương như sau: *"1. Trước ngày 05 tháng 12 hằng năm, Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp kế hoạch đầu tư công năm sau, bao gồm danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án. 2. Trước ngày 10 tháng 12 hằng năm, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định kế hoạch đầu tư công năm sau của cấp mình, bao gồm danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án".*

Do vậy, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2021 vốn ngân sách địa phương là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích xây dựng Nghị quyết

Nghị quyết được xây dựng nhằm phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2021 nguồn vốn ngân sách địa phương.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

Đảm bảo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, các Nghị định, hướng dẫn của Chính phủ và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

Thực hiện Thông báo số 19/HĐND-VP ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Thường trực HĐND tỉnh về việc dự kiến thời gian, nội dung kỳ họp thường lệ cuối năm 2020 HĐND tỉnh khoá IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021, Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì xây dựng dự thảo Nghị quyết về kế hoạch đầu tư công năm 2021.

Sở Kế hoạch và Đầu tư đã triển khai xây dựng Báo cáo kế hoạch đầu tư công năm 2021 và dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh, Nghị quyết của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công năm 2021 nguồn vốn ngân sách địa phương.

Nội dung dự thảo Tờ trình, Nghị quyết về Kế hoạch đầu tư công năm 2021 vốn ngân sách địa phương đã được Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua vào phiên họp UBND tỉnh ngày 17 tháng 11 năm 2020.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Dự thảo Nghị quyết gồm 02 điều

- Điều 1: Phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2021 nguồn vốn ngân sách địa phương.

- Điều 2: Tổ chức thực hiện.

2. Nội dung cơ bản

2.1. Về tổng nguồn vốn đầu tư công năm 2021

Tổng nguồn vốn đầu tư công năm 2021 (chưa bao gồm Chương trình Mục

tiêu quốc gia) là: 2.298.997 triệu đồng. Trong đó:

a. Nguồn vốn ngân sách trung ương: 1.720.297 triệu đồng, gồm:

- Vốn NSTW trong nước đầu tư theo ngành, lĩnh vực: 1.022.163 triệu đồng (trong đó, vốn NSTW hỗ trợ đầu tư dự án kết nối, có tác động liên vùng, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững là 300.000 triệu đồng);

- Vốn nước ngoài: 698.134 triệu đồng.

b. Nguồn vốn ngân sách địa phương: 578.700 triệu đồng, gồm:

- Chi XDCB vốn tập trung trong nước: 369.900 triệu đồng;

- Nguồn vay lại của Chính phủ: 90.000 triệu đồng;

- Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: 103.800 triệu đồng;

- Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 15.000 triệu đồng.

2.2. Về phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2021 nguồn vốn ngân sách địa phương

a) Nguyên tắc phân bổ:

- Việc bố trí vốn NSNN năm 2021 phải đảm bảo nguyên tắc, tiêu chí quy định tại Luật Đầu tư công và Nghị quyết số 973/NQ-UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Bố trí đủ vốn NSNN năm 2021 cho các dự án chuyển tiếp, hoàn thành trong năm 2021 để phát huy hiệu quả đầu tư.

- Ưu tiên bố trí vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành của các dự án đã có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSNN giai đoạn 2016-2020 chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025.

- Bố trí vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài theo tiến độ được phê duyệt.

- Bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021 theo tiến độ, đảm bảo thời gian bố trí vốn của dự án theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 52 của Luật Đầu tư công.

- Sau khi bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ nêu trên, mới bố trí vốn cho các dự án khởi công mới có tính chất liên vùng, giao thông cấp bách, quốc phòng, an ninh, phòng chống thiên tai, xử lý sạt lở bờ sông, biến đổi khí hậu..., và chỉ bố trí vốn cho các dự án đã đủ thủ tục đầu tư theo quy định.

Đối với nguồn xổ số kiến thiết: Ưu tiên đầu tư nguồn vốn này cho lĩnh vực giáo dục, đào tạo, y tế công lập, xây dựng nông thôn mới. Và chỉ phân bổ vốn cho các địa phương có nguồn thu từ xổ số kiến thiết và số vốn phân bổ tương ứng với tỷ lệ đóng góp nguồn thu xổ số kiến thiết của các địa phương.

b) Phương án phân bổ:

- Phần vốn tỉnh điều hành: 252.062 triệu đồng, phân bổ theo thứ tự ưu tiên:

+ Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020: 32.506 triệu đồng;

+ Đối ứng các dự án sử dụng vốn ODA: 59.000 triệu đồng;

+ Lập quy hoạch tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050: 20.000 triệu đồng;

+ Các dự án khởi công mới đã, đang hoàn thiện thủ tục đầu tư: 85.126 triệu đồng.

+ Số vốn chưa phân bổ: 55.430 triệu đồng.

- Phân bổ cho UBND các huyện, thành phố điều hành: 117.838 triệu đồng;

- Vốn vay lại của Chính phủ: 90.000 triệu đồng. Phân bổ như sau:

+ Phân bổ cho các dự án: 79.431 triệu đồng;

+ Dự phòng chưa phân bổ: 10.569 triệu đồng.

- Nguồn vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: 103.800 triệu đồng, phân bổ như sau:

+ Vốn tỉnh quản lý (10%): 10.380 triệu đồng;

+ Phân bổ cho các huyện, thành phố (90%): 93.420 triệu đồng.

- Vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 15.000 triệu đồng.

+ Bố trí cho các dự án khởi công mới thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo: 13.500 triệu đồng;

+ Dự phòng để hỗ trợ cho Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2021 theo quy định tại Thông tư số 71/2020/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2020 của Bộ Tài chính (10%): 1.500 triệu đồng.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2021 vốn ngân sách địa phương. Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị./.

(Hồ sơ gửi kèm gồm:

- Báo cáo kế hoạch đầu tư công năm 2021;

- Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh)

Nơi nhận:
- Như trên (trình);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban KT-NS HĐND tỉnh;
- Các Sở: KHĐT, Tài chính;
- LĐVP (đ/c Nguyên);
- Lưu: VT, Khởi, V.Hà./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Q. CHỦ TỊCH

Đỗ Thị Minh Hoa

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /NQ - HĐND (DỰ THẢO)	*Bắc Kạn, ngày tháng 12 năm 2020*

NGHỊ QUYẾT
Về kế hoạch đầu tư công năm 2021

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN
KHOÁ IX, KỲ HỌP THỨ 18

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật đầu tư công.

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025.

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025.

Xét Tờ trình số ..../TTr-UBND ngày....tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2021 vốn ngân sách địa phương; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định kế hoạch đầu tư công năm 2021 như sau:

1. Tổng nguồn vốn đầu tư công năm 2021 (chưa bao gồm Chương trình Mục tiêu quốc gia) là: 2.298.997 triệu đồng. Trong đó:

a. Nguồn vốn ngân sách trung ương: 1.720.297 triệu đồng, gồm:

- Vốn NSTW trong nước đầu tư theo ngành, lĩnh vực: 1.022.163 triệu đồng (trong đó, vốn NSTW hỗ trợ đầu tư dự án kết nối, có tác động liên vùng, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững là 300.000 triệu đồng);

- Vốn nước ngoài: 698.134 triệu đồng.

b. Nguồn vốn ngân sách địa phương: 578.700 triệu đồng, gồm:

- Chi XDCB vốn tập trung trong nước: 369.900 triệu đồng;

- Nguồn vay lại của Chính phủ: 90.000 triệu đồng;

- Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: 103.800 triệu đồng;

- Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 15.000 triệu đồng.

2. Phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2021 vốn ngân sách địa phương: Danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án theo các biểu đính kèm Nghị quyết.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết. Quá trình thực hiện nếu có điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2021 thì thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công năm 2019.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn khoá IX, kỳ họp thứ 18 thông qua ngày ... tháng 12 năm 2020./.

Nơi nhận:
- Uỷ ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VPQH, VPCP, VPCTN;
- Ban Công tác đại biểu *(UBTVQH)*;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh uỷ, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Kạn;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện *(Thành)* ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- LĐVP;
- Phòng Công tác HĐND;
- Lưu: VT, HS.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Du

Biểu số 01

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021 VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 11 năm 2020 của HĐND tỉnh Bắc Kạn)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã giao đến hết năm 2020	Số vốn chưa bố trí so với TMĐT	Kế hoạch vốn 2021	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	TỔNG SỐ		**3.449.003**	**521.198**	**116.446**	**404.686**	**578.700**		
A	**NGUỒN VỐN CĐNS TỈNH ĐIỀU HÀNH**		**3.412.003**	**521.198**	**116.446**	**404.686**	**252.062**		
1	**Quốc phòng**		**33.316**	**33.316**	**4.750**	**28.500**	**20.067**		
	Dự án quyết toán								
(1)	Doanh trại Trường Quân sự địa phương tỉnh Bắc Kạn	QĐ 206/QĐ-STC ngày 26/10/2020 (phê duyệt quyết toán)	4.816	4.816	4.750		67	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	
	Khởi công mới năm 2021								
(2)	Xây dựng cải tạo các công trình chiến đấu phục vụ diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh năm 2021	40/NQ-HĐND ngày 04/11/2020 (phê duyệt CTĐT)	28.500	28.500		28.500	20.000	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	
2	**Giáo dục, đào tạo**		**6.599**	**2.159**	**1.900**	**259**	**151**		
	Dự án chuyển tiếp								
(1)	Xây dựng trường mầm non Nông Thịnh đạt chuẩn Quốc gia	2338a/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của UBND huyện Chợ Mới	6.599	2.159	1.900	259	151	UBND huyện Chợ Mới	
3	**Y tế, dân số và gia đình**		**12.495**	**12.495**	**10.182**	**2.314**	**1.689**		
	Dự án chuyển tiếp								
(1)	Sửa chữa, cải tạo Trung tâm Y tế huyện Pác Nặm	2120/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	3.554	3.554	2.846	709	531	Sở Y tế	
(2)	Sửa chữa, cải tạo Trung tâm Y tế huyện Ngân Sơn	2118/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	3.272	3.272	2.641	632	468	Sở Y tế	
(3)	Sửa chữa, cải tạo Trung tâm Y tế huyện Ba Bể	2117/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	1.800	1.800	1.591	209	119	Sở Y tế	
(4)	Sửa chữa, cải tạo Trung tâm Y tế huyện Chợ Mới	2121/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	1.999	1.999	1.600	399	299	Sở Y tế	
(5)	Sửa chữa, cải tạo Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Kạn	2110/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	1.870	1.870	1.504	366	272	Sở Y tế	
4	**Văn hóa, thông tin**		**2.009**	**2.009**	**1.040**	**969**	**870**		
	Dự án chuyển tiếp								

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã giao đến hết năm 2020	Số vốn chưa bố trí so với TMĐT	Kế hoạch vốn 2021	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
(1)	Sửa chữa nhà văn hóa tỉnh Bắc Kạn	2116/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 1860/QĐ-UBND ngày 15/10/2020	2.009	2.009	1.040	969	870	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
5	**Nông nghiệp, lâm nghiệp**		**25.781**	**12.000**	**6.000**	**6.000**	**5.400**		
	Dự án chuyển tiếp								
(1)	Kè chống xói lở bờ hữu Sông Cầu đoạn qua tổ Bản Vẻn, phường Huyền Tụng, thành phố Bắc Kạn	773/QĐ-UBND ngày 29/4/2020 của UBND thành phố	25.781	12.000	6.000	6.000	5.400	UBND thành phố Bắc Kạn	
6	**Giao thông**		**2.358.867**	**258.867**	**18.019**	**240.848**	**52.052**		
	Dự án chuyển tiếp								
(1)	Đường vào Trung tâm chữa bệnh - giáo dục lao động xã hội tỉnh Bắc Kạn	1184/QĐ-UBND ngày 29/6/2020	6.058	6.058	2.245	3.813	3.510	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	
(2)	Sửa chữa, nâng cấp mặt đường từ ĐT 254 đến thôn Vằng Đoọc, xã Bình Trung, huyện Chợ Đồn	2967/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của UBND huyện Chợ Đồn	3.000	3.000	2.400	600	516	UBND huyện Chợ Đồn	
(3)	Đường Vũ Loan - Văn Học, huyện Na Rì	2104/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	12.000	12.000	8.500	3.500	2.900	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh	
	Khởi công mới năm 2021								
(4)	Xây dựng tuyến đường Thành phố Bắc Kạn - Hồ Ba Bể	1854/QĐ-UBND ngày 14/10/2020	2.337.809	237.809	4.874	232.935	45.126	Sở Giao thông vận tải	
7	**Khu công nghiệp**		**4.113**	**4.113**	**2.261**	**1.852**	**1.646**		
	Dự án chuyển tiếp								
(1)	Xử lý kỹ thuật mái taluy dương và hệ thống thoát nước phía Đông Khu công nghiệp Thanh Bình	1385/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 của UBND	4.113	4.113	2.261	1.852	1.646	Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh	
8	**Cấp nước, thoát nước**		**256.419**	**31.135**	**18.856**	**12.279**	**2.800**		
	Dự án chuyển tiếp								
(1)	Dự án cấp nước và vệ sinh thị xã Bắc Kạn (hợp phần thoát nước)	1550/QĐ-UBND ngày 25/6/2009; 1513/QĐ-UBND ngày 22/9/2016	256.419	31.135	18.856	12.279	2.800	Sở Xây dựng	
9	**Du lịch**		**584.000**	**63.900**	**-**	**63.900**	**20.000**		
	Dự án khởi công mới								

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã giao đến hết năm 2020	Số vốn chưa bố trí so với TMĐT	Kế hoạch vốn 2021	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
(1)	Xây dựng hạ tầng giao thông khu vực xung quanh hồ Ba Bể	Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 04/11/2020 (phê duyệt chủ trương đầu tư)	145.000	20.000		20.000	10.000	Sở Giao thông vận tải	
(2)	Xây dựng tuyến đường Quảng Khê - Khang Ninh, huyện Ba Bể	Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 04/11/2020 (phê duyệt chủ trương đầu tư)	439.000	43.900		43.900	10.000	Sở Giao thông vận tải	
10	**Công nghệ thông tin**		**1.979**	**1.979**	**1.900**	**79**	**79**		
	Dự án quyết toán								
(1)	Nâng cấp hệ thống Cổng thông tin điện tử tỉnh Bắc Kạn	200/QĐ-STC ngày 21/10/2020 (phê duyệt quyết toán)	1.979	1.979	1.900	79	79	Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông tỉnh Bắc Kạn	
11	**Quy hoạch**		**43.056**	**43.056**	**10.000**	**33.056**	**20.000**		
	Dự án chuyển tiếp								
(1)	Lập Quy hoạch tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050		43.056	43.056	10.000	33.056	20.000	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
12	**Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước**		**83.368**	**56.169**	**41.539**	**14.630**	**12.877**		
	Dự án chuyển tiếp								
(1)	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở Tỉnh ủy và trụ sở các Ban xây dựng đảng Tỉnh ủy Bắc Kạn	2119/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 1450/QĐ-UBND ngày 12/8/2020	18.245	18.245	11.894	6.351	5.439	Văn phòng Tỉnh ủy	
(2)	Nhà khách tỉnh Bắc Kạn (khu B)	2111/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 1162/QĐ-UBND ngày 25/6/2020	2.738	2.738	2.464	274	137	Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh	
(3)	Hội trường tỉnh Bắc Kạn	số 277/QĐ-UBND ngày 22/02/2018; số 1186/QĐ-UBND ngày 29/6/2020	46.111	21.111	19.918	1.193	1.193	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
(4)	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc liên cơ quan Chi cục Chăn nuôi và Thú y - Chi cục trồng trọt và Bảo vệ thực vật - Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản - Trung tâm khuyến nông tỉnh Bắc Kạn	2113/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	3.163	3.163	2.530	633	474	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
(5)	Sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	2112/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	1.710	1.710	1.368	342	257	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã giao đến hết năm 2020	Số vốn chưa bố trí so với TMĐT	Kế hoạch vốn 2021	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
(6)	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Sở Kế hoạch và Đầu tư	2114/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	1.530	1.530	1.224	306	230	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
(7)	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Sở Thông tin & Truyền thông	2115/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 1786/QĐ-UBND ngày 01/10/2020	2.672	2.672	2.141	531	397	Sở Thông tin và Truyền thông	
(8)	Hỗ trợ UBND huyện Ngân Sơn để xây dựng Trụ sở UBND xã Lãng Ngâm	2256/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của UBND huyện Ngân Sơn	7.200	5.000		5.000	4.750	UBND huyện Ngân Sơn	
13	**Đối ứng các dự án ODA**						**59.000**		Chi tiết tại Biểu số 02, cột 16
14	**Dự phòng chưa phân bổ**						**55.430**		
B	**NGUỒN VAY LẠI CỦA CHÍNH PHỦ**						**90.000**		Chi tiết tại Biểu số 02, cột 19
	Trong đó: Dự phòng chưa phân bổ						10.569		
C	**NGUỒN VỐN CĐNS HUYỆN, THÀNH PHỐ ĐIỀU HÀNH**						**117.838**		
(1)	Thành phố Bắc Kạn						18.244	UBND thành phố Bắc Kạn	Không bao gồm 1.252 triệu đồng để trả gốc vay lại vốn vay ODA
(2)	Huyện Pác Nặm						13.048	UBND huyện Pác Nặm	
(3)	Huyện Ba Bể						13.377	UBND huyện Ba Bể	
(4)	Huyện Ngân Sơn						12.788	UBND huyện Ngân Sơn	
(5)	Huyện Bạch Thông						14.048	UBND huyện Bạch Thông	Không bao gồm 23 triệu đồng trả gốc tín dụng ưu đãi
(6)	Huyện Chợ Đồn						17.967	UBND huyện Chợ Đồn	Không bao gồm 573 triệu đồng trả gốc tín dụng ưu đãi
(7)	Huyện Chợ Mới						14.920	UBND huyện Chợ Mới	
(8)	Huyện Na Rì						13.446	UBND huyện Na Rì	Không bao gồm 401 triệu đồng trả gốc tín dụng ưu đãi
D	**ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT**						**103.800**		
(1)	Vốn tỉnh quản lý chưa phân bổ						10.380		
(2)	Thành phố Bắc Kạn						71.100	UBND thành phố Bắc Kạn	
(3)	Huyện Pác Nặm						1.170	UBND huyện Pác Nặm	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã giao đến hết năm 2020	Số vốn chưa bố trí so với TMĐT	Kế hoạch vốn 2021	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
(4)	Huyện Ba Bể						7.200	UBND huyện Ba Bể	
(5)	Huyện Ngân Sơn						540	UBND huyện Ngân Sơn	
(6)	Huyện Bạch Thông						1.530	UBND huyện Bạch Thông	
(7)	Huyện Chợ Đồn						9.000	UBND huyện Chợ Đồn	
(8)	Huyện Chợ Mới						900	UBND huyện Chợ Mới	
(9)	Huyện Na Rì						1.980	UBND huyện Na Rì	
E	**ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU XỔ SỐ KIẾN THIẾT**		**37.000**	-	-	-	**15.000**		
1	Trường Tiểu học Thượng Quan		3.500				1.700	UBND huyện Ngân Sơn	
2	Cải tạo, sửa chữa Trường Tiểu học xã Thượng Giáo		3.000				1.500	UBND huyện Ba Bể	
3	Trường Mầm non xã Dương Quang, thành phố Bắc Kạn		14.500				2.500	UBND thành phố Bắc Kạn	
4	Xây dựng trường THCS Quảng Chu đạt chuẩn Quốc gia		4.000				1.800	UBND huyện Chợ Mới	
5	Nhà bán trú trường THCS Văn Vũ, xã Văn Vũ, huyện Ra Nì		3.000				1.500	UBND huyện Na Rì	
6	Nhà hiệu bộ trường Mầm non Sỹ Bình, xã Sỹ Bình		2.000				1.000	UBND huyện Bạch Thông	
7	Trường tiểu học Công Bằng (HM: Các phòng học bộ môn)		2.000				1.000	UBND huyện Pác Nặm	
8	Trường Tiểu học Phương Viên (HM: Xây mới 01 nhà lớp học 02 tầng gồm 06 phòng học và các hạng mục phụ trợ khác)		5.000				2.500	UBND huyện Chợ Đồn	
9	Hỗ trợ cho Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2021 (10%)						1.500		

Biểu số 02

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021 - CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 11 năm 2020 của HĐND tỉnh Bắc Kạn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao KH các năm								Dự kiến kế hoạch 2021			
						Số quyết định	TMĐT										
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:									
								Vốn đối ứng				Vốn nước ngoài					
								Tổng số	Trong đó			Tính bằng ngoại tệ	Quy đổi ra tiền Việt		Vốn đối ứng NSĐP	Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW	Vay lại
									NSTW	NSĐP	Nguồn khác		Tổng số	Trong đó: Cấp phát từ NSTW				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
	TỔNG SỐ						3.086.915	848.761	375.601	242.701	230.459		2.238.154	1.982.060	59.000	95.911	698.134	90.000
I	Cấp nước, thoát nước						213.630	16.946	-	16.946	-		196.684	181.719	5.678	-	38.113	4.764
1	Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả	Toàn tỉnh	WB	29/04/2016	31/7/2021	3102/QĐ-BNN-HTQT, 21/7/2016	213.630	16.946		16.946		8.761.701 USD	196.684	181.719	5.678		38.113	4.764
II	Giao thông						1.788.127	430.361	335.601	94.760	-		1.357.766	1.234.128	19.130	85.911	474.021	49.085
1	Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh vùng Đông Bắc: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn- Tiểu dự án tỉnh Bắc Kạn	Huyện Pác Nặm, Ngân Sơn, Na Rì, Bạch Thông, Chợ Mới	ADB	12/04/2018	30/9/2023	1205/QĐ-TTg 17/8/2017; Bắc Kạn: 1249/ QĐ-UBND 25/8/2017; 1767/QĐ-UBND 23/10/2018	951.582	194.232	139.852	54.380		33.750.000 USD	757.350	681.615	11.380	65.911	346.598	38.511
2	Dự án Xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương vốn vay WB (LRAMP)-Hợp phần đường	Toàn tỉnh	WB	04/07/2016	30/6/2023	2529/QĐ-TTg, 21/12/2015; 622/QĐ-BGTVT, 02/3/2016	214.432	18.630		18.630		8.700.000 USD	195.802	176.222	1.000		27.423	3.047
3	Dự án Chương trình đô thị miền núi phía Bắc-thị xã Bắc Kạn (giai đoạn II)	TP Bắc Kạn	WB	17/07/2014	30/6/2021	1721, 30/10/2015	622.113	217.499	195.749	21.750		19.267.000 USD	404.614	376.291	6.750	20.000	100.000	7.527
III	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản						930.009	368.634	40.000	98.175	230.459		561.375	480.583	29.192	10.000	166.000	17.011
1	Sửa chữa và nâng cao an toàn đập	Toàn tỉnh		08/04/2016	2022	4638/QĐ-BNN-HTQT ngày 9/11/2015; Bắc Kạn số 451/QĐ-UBND ngày 19/3/2020	89.880	4.505		4.505		8.761.701 USD	85.375	79.399	4.205		40.000	3.011
2	Dự án hỗ trợ kinh doanh cho nông hộ tỉnh Bắc Kạn (CSSP)	Huyện Na Rì, Ba Bể, Pác Nặm và Ngân Sơn	IFAD	24/03/2017	31/3/2024	1438, 07/9/2016; 762, 02/6/2017; 1896, 21/10/2020	840.129	364.129	40.000	93.670	230.459	21.250.000 USD	476.000	401.184	24.987	10.000	126.000	14.000
IV	Lĩnh vực y tế						155.149	32.820	-	32.820	-		122.329	85.630	5.000	-	20.000	8.571

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao KH các năm									Dự kiến kế hoạch 2021			
						Số quyết định	TMĐT											
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*										
								Vốn đối ứng				Vốn nước ngoài						
								Tổng số	Trong đó			Tính bằng ngoại tệ	Quy đổi ra tiền Việt		Vốn đối ứng NSĐP	Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW	Vay lại
									NSTW	NSĐP	Nguồn khác		Tổng số	Trong đó: Cấp phát từ NSTW				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1	Dự án "Đầu tư xây ·ựng và phát triển hệ thống cung ·ng dịch vụ y tế tuyến cơ sở"- Dự án thành phần tỉnh Bắc Kạn.	Toàn tỉnh Bắc Kạn	Ngân hàng Thế giới (WB)	18/02/2020	21/12/2024	481/QĐ-UBND ngày 29/3/2019 và Quyết định số 223/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của UBND tỉnh Bắc Kạn	155.149	32.820		32.820		5.330.000 USD	122.329	85.630	5.000		20.000	8.571
	Dự phòng																	10.569